TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /TB-HĐTD

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO
Kết quả kỳ thi tuyển công chức Tổng cục Quản lý thị trường năm 2021

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Quyết định số 2116/QĐ-TCQLTT ngày 26 tháng 8 năm 2021 ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức năm 2021 của Tổng cục Quản lý thị trường và Quyết định số 2220/QĐ-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức năm 2021 của Tổng cục Quản lý thị trường,

Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Quản lý thị trường thông báo kết quả kỳ thi tuyển công chức năm 2021 như sau:

1. Kết quả tuyển dụng

Kết quả kỳ thi tuyển công chức Tổng cục Quản lý thị trường và Danh sách thí sinh trúng tuyển gửi kèm theo Thông báo này *(Phụ lục 01: Kết quả kỳ thi tuyển công chức Tổng cục Quản lý thị trường; Phụ lục 02: Danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển công chức Tổng cục Quản lý thị trường)*.

Đối với các thí sinh trúng tuyển, Hội đồng tuyển dụng gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

2. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Tổng cục Quản lý thị trường để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

Tổng cục Quản lý thị trường tiếp đón thí sinh đến hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng từ ngày 28/11/2022 đến 29/11/2022 *(buổi sáng từ 08 giờ 30 đến 11 giờ 30; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30)* tại Vụ Tổ chức cán bộ, tầng 3, số 91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội, cụ thể:

- Ngày 28/11/2022: buổi sáng từ số thứ tự số 01 đến 50; buổi chiều từ số thứ tự số 51 đến 100 *(số thứ tự của thí sinh có tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông báo này).*

- Ngày 29/11/2022: buổi sáng từ số thứ tự số 101 đến 150; buổi chiều từ số thứ tự số 151 đến 174 *(số thứ tự của thí sinh có tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông báo này).*

Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao được cơ quan có thẩm quyền chứng thực các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên *(nếu có)*.

Đối với văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, thí sinh nộp bản sao văn bằng, kết quả học tập kèm bản dịch sang tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực và bản sao công nhận văn bằng tương đương với trình độ đào tạo quy định tại Khung trình độ Quốc gia Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp *(thời gian cấp sau ngày ban hành Thông báo này).*

Lưu ý: Khi nộp hồ sơ tuyển dụng, người trúng tuyển mang theo toàn bộ hồ sơ bản chính để đối chiếu.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

Các thông tin chính thức liên quan đến kỳ thi tuyển, Tổng cục Quản lý thị trường sẽ tiếp tục đăng tải công khai trên website: https://dms.gov.vn

Hội đồng tuyển dụng công chức của Tổng cục Quản lý thị trường thông báo đến các thí sinh, thành viên Hội đồng tuyển dụng công chức, các Ban, Tổ thư ký giúp việc của Hội đồng và các cá nhân, tổ chức có liên quan biết, thực hiện./.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

TỔNG CỤC TRƯỞNG
Trần Hữu Linh

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Đặng Hoàng An (để b/c);
- Vụ TCCB, Bộ Công Thương;
- Hội đồng tuyển dụng công chức;
- Ban Giám sát kỳ tuyển dụng công chức;
- Các Ban, Tổ thư ký giúp việc của Hội đồng tuyển dụng công chức;
- Đăng trên Cổng thông tin điện tử Tổng cục QLTT;
- Niêm yết công khai tại trụ sở Tổng cục QLTT;
- Lưu: HĐTD.

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

PHỤ LỤC 01
KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông báo số 28/TB-HDTD ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục QLTT)

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm Kiểm tra, sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học					
1	Lê Thị Thu	Hà	QLTT0239	Nữ	Kinh	16/07/1980		KSVTT			Bà Rịa -Vũng Tàu	62.5		62.5	
2	Nguyễn Thiện	Phương	QLTT0759	Nam	Kinh	28/10/1990		KSVTT			Bà Rịa -Vũng Tàu	69		69	
3	Tạ Văn	Điều	QLTT0136	Nam	Kinh	29/10/1998		KSVTT			Bắc Giang	52.5		52.5	
4	Phạm Thế	Dự	QLTT0152	Nam	Kinh	14/08/1991		KSVTT			Bắc Giang	59		59	
5	Nguyễn Trường	Giang	QLTT0217	Nam	Kinh	30/06/1987		KSVTT			Bắc Giang	65.5		65.5	
6	Nguyễn Thị Diễm	Linh	QLTT0543	Nữ	Kinh	28/06/1993		KSVTT			Bắc Giang	52		52	
7	Nguyễn Thị	Phương	QLTT0760	Nữ	Kinh	02/8/1979		KSVTT			Bắc Giang	51		51	
8	Phạm Ngọc	Sơn	QLTT0826	Nam	Kinh	09/11/1991		KSVTT			Bắc Giang	52.5		52.5	
9	Đào Nguyên	Tấn	QLTT0854	Nam	Kinh	10/01/1996		KSVTT			Bắc Giang	51		51	
10	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	QLTT0009	Nữ	Tày	10/09/1996	Người DT	KSVTT			Bắc Kạn	72	5	77	
11	Hoàng Thu	Hiền	QLTT0313	Nữ	Nùng	26/08/1999	Người DT	KSVTT			Bắc Kạn	52.5	5	57.5	
12	Trần Tuấn	Hưng	QLTT0428	Nam	Kinh	27/02/1980	Con TB	KSVTT			Bắc Kạn	50	5	55	
13	Ma Đức	Lượng	QLTT0617	Nam	Tày	04/12/1996	Người DT	KSVTT			Bắc Kạn	53	5	58	
14	Hà Bích	Ngọc	QLTT0680	Nữ	Tày	01/03/1999	Người DT	KSVTT			Bắc Kạn	47	5	52	
15	Đinh Hải	Vân	QLTT1115	Nữ	Kinh	01/06/1991		KSVTT			Bắc Kạn	54.5		54.5	
16	Phan Văn	Bình	QLTT0067	Nam	Kinh	15/08/1987		KSVTT			Bạc Liêu	57		57	
17	Mai Hùng	Cường	QLTT0106	Nam	Kinh	30/12/1990		KSVTT			Bạc Liêu	60.5		60.5	
18	Phan	Nhân	QLTT0703	Nam	Kinh	26/10/1992		KSVTT			Bạc Liêu	69		69	
19	Chu Thị Tú	Anh	QLTT0012	Nữ	Kinh	15/02/1994		KSVTT			Bắc Ninh	62.5		62.5	
20	Hà Thị Thanh	Diễm	QLTT0130	Nữ	Kinh	01/04/1992		KSVTT			Bình Định	69		69	
21	Lê Minh	Phúc	QLTT0752	Nam	Kinh	07/10/1978		KSVTT			Bình Định	75.5		75.5	
22	Nguyễn Quốc	Dũng	QLTT0180	Nam	Kinh	21/07/1978		KSVTT			Bình Dương	62		62	
23	Thân Đức	Hải	QLTT0266	Nam	Kinh	13/10/2000		Chuyên viên			Bình Dương	69.5		69.5	
24	Trần Văn	Hồng	QLTT0387	Nam	Kinh	26/09/1999		KSVTT			Bình Dương	56.5		56.5	
25	Võ Thanh	Phong	QLTT0741	Nam	Kinh	14/09/1987		KSVTT			Bình Dương	58.5		58.5	
26	Nguyễn Bảo	Trọng	QLTT1039	Nam	Kinh	27/02/1985		Chuyên viên			Bình Dương	73.5		73.5	
27	Ngô Hoàng	Việt	QLTT1124	Nam	Kinh	25/10/1992		KSVTT			Bình Dương	62.5		62.5	
28	Hồ Ngọc Tuấn	Anh	QLTT0013	Nam	Kinh	02/11/1989		Chuyên viên		x	Bình Phước	58.5		58.5	
29	Trần Công	Đồng	QLTT0150	Nam	Kinh	28/10/1974		Chuyên viên			Bình Phước	56.5		56.5	
30	Đỗ Danh	Dương	QLTT0192	Nam	Kinh	05/07/1976		Chuyên viên		x	Bình Phước	57.5		57.5	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm Kiểm tra, sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học					
31	Nguyễn Văn	Hà	QLTT0243	Nam	Kinh	18/06/1991	Quân nhân xuất ngũ	Chuyên viên			Bình Phước	62.5	2.5	65	
32	Phạm Quốc	Kỳ	QLTT0509	Nam	Kinh	06/02/1982	Sĩ quan dự bị	Chuyên viên			Bình Phước	57	5	62	
33	Vũ Minh	Phương	QLTT0762	Nữ	Kinh	30/07/1998		Chuyên viên			Bình Phước	72		72	
34	Trần Văn	Chương	QLTT0097	Nam	Kinh	17/07/1982		KSVTT			Cần Thơ	62		62	
35	Trần Việt	Hùng	QLTT0404	Nam	Kinh	08/02/1986		KSVTT		x	Cần Thơ	64.5		64.5	
36	Nguyễn Hữu	Kha	QLTT0483	Nam	Kinh	28/08/1998		KSVTT		x	Cần Thơ	62.5		62.5	
37	Bùi Tuấn	Anh	QLTT0014	Nam	Tày	20/06/1991	Người DT	KSVTT		x	Cao Bằng	63.5	5	68.5	
38	Lương Đình	Hùng	QLTT0406	Nam	Tày	23/11/1997	Người DT	KSVTT			Cao Bằng	71.5	5	76.5	
39	Trương Thị Bích	Lợi	QLTT0594	Nữ	Kinh	01/09/1987		KSVTT			Đà Nẵng	69		69	
40	Võ Công	Thành	QLTT0871	Nam	Kinh	31/12/1993		KSVTT			Đà Nẵng	63.5		63.5	
41	Huỳnh Ngọc	Tú	QLTT1059	Nam	Kinh	16/03/1991		KSVTT			Đà Nẵng	56.5		56.5	
42	Lê Anh	Tú	QLTT1060	Nam	Kinh	27/02/1997		Chuyên viên			Đà Nẵng	56.5		56.5	
43	Mai Đức	Anh	QLTT0019	Nam	Kinh	07/09/1994		KSVTT			Đắk Lắk	57		57	
44	Nguyễn Hữu	Cường	QLTT0107	Nam	Kinh	02/10/1988		KSVTT			Đắk Lắk	60		60	
45	Nguyễn Thị Mai	Hằng	QLTT0284	Nữ	Kinh	06/03/1988		KSVTT			Đắk Lắk	52		52	
46	Nguyễn Thị Phương	Nhi	QLTT0709	Nữ	Kinh	06/06/1998		KSVTT			Đắk Lắk	54		54	
47	Nguyễn Trung	Tuấn	QLTT1072	Nam	Kinh	19/11/1989		Chuyên viên			Đắk Lắk	56		56	
48	Quách Nhất	Sinh	QLTT0824	Nam	Kinh	02/12/1990		KSVTT			Đắk Nông	51		51	
49	Đinh Hoàng	Long	QLTT0603	Nam	Kinh	27/08/1999		KSVTT			Điện Biên	50		50	
50	Như Ngọc Phương	Thảo	QLTT0881	Nữ	Kinh	14/12/1997		KSVTT			Điện Biên	52.5		52.5	
51	Trần Thị Thái	Hòa	QLTT0356	Nữ	Kinh	08/03/1994		KSVTT			Đồng Nai	54.5		54.5	
52	Nguyễn Xuân	Bách	QLTT0063	Nam	Kinh	16/05/1997		KSVTT			Gia Lai	51		51	
53	Nguyễn Thị Việt	Hà	QLTT0247	Nữ	Kinh	02/12/1999		KSVTT			Gia Lai	65		65	
54	Tô Thanh	Liêm	QLTT0531	Nam	Kinh	30/11/1989		KSVTT			Gia Lai	60		60	
55	Nguyễn Hữu	Nghị	QLTT0672	Nam	Kinh	11/09/1979		KSVTT			Gia Lai	53.5		53.5	
56	Võ Ngọc	Tình	QLTT0980	Nam	Kinh	05/05/1985		KSVTT			Gia Lai	50.5		50.5	
57	Nguyễn Thanh	Thuận	QLTT0941	Nam	Giáy	16/10/1996	Người DT	KSVTT			Hà Giang	51	5	56	
58	Đinh Mạnh	Hải	QLTT0268	Nam	Kinh	19/04/1997		KSVTT			Hà Nam	51		51	
59	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	QLTT0699	Nữ	Kinh	07/04/1998		KSVTT			Hà Nam	51		51	
60	Hồ Phi	An	QLTT0001	Nam	Kinh	19/01/1998		KSVTT			Hà Nội	51		51	
61	Dương Thị Vân	Anh	QLTT0023	Nữ	Kinh	09/05/1989		KSVTT			Hà Nội	52		52	
62	Bùi Phương	Anh	QLTT0024	Nữ	Kinh	16/09/1996		Chuyên viên			Hà Nội	51		51	
63	Nguyễn Vũ Hà	Anh	QLTT0027	Nữ	Kinh	15/09/1995		KSVTT			Hà Nội	66.5		66.5	
64	Nguyễn Thị Hải	Anh	QLTT0030	Nữ	Kinh	18/12/1996		KSVTT			Hà Nội	52		52	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm Kiểm tra, sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học					
65	Nguyễn Thành	Doanh	QLTT0143	Nam	Kinh	18/09/1994		KSVTT			Hà Nội	50.5		50.5	
66	Nguyễn Hương	Giang	QLTT0218	Nữ	Kinh	05/06/1999		KSVTT			Hà Nội	48		48	
67	Hoàng Nguyệt	Hà	QLTT0248	Nữ	Kinh	04/03/1996		KSVTT			Hà Nội	51		51	
68	Lê Xuân	Hà	QLTT0253	Nam	Kinh	28/10/1994		KSVTT			Hà Nội	45.5		45.5	
69	Nguyễn Hồng	Hải	QLTT0269	Nữ	Mường	15/09/1997	Người DT	KSVTT			Hà Nội	71.5	5	76.5	
70	Nguyễn Đình	Hải	QLTT0270	Nam	Tày	01/12/1995	Người DT	KSVTT			Hà Nội	53	5	58	
71	Nguyễn Thị	Hiền	QLTT0315	Nữ	Kinh	08/10/1993		KSVTT			Hà Nội	56		56	
72	Nguyễn Công	Hiếu	QLTT0335	Nam	Kinh	23/08/1992		KSVTT			Hà Nội	50		50	
73	Nguyễn Hoàng	Hồng	QLTT0391	Nam	Kinh	17/12/1996		KSVTT			Hà Nội	56.5		56.5	
74	Nguyễn Thị Thanh	Hương	QLTT0438	Nữ	Kinh	11/12/1996		KSVTT			Hà Nội	56.5		56.5	
75	Nguyễn Thị Hà	Hường	QLTT0448	Nữ	Kinh	25/12/1985		Chuyên viên			Hà Nội	60		60	
76	Nguyễn Diệu	Linh	QLTT0552	Nữ	Kinh	17/08/1996		KSVTT			Hà Nội	62.5		62.5	
77	Nguyễn Thị Hà	Linh	QLTT0555	Nữ	Kinh	22/05/1990		KSVTT			Hà Nội	49.5		49.5	
78	Nguyễn Xuân	Lợi	QLTT0595	Nam	Kinh	24/05/1996		KSVTT			Hà Nội	64.5		64.5	
79	Đinh Mã Thiên	Long	QLTT0607	Nam	Kinh	15/06/1990		KSVTT	x		Hà Nội	70		70	
80	Hoàng Đức	Long	QLTT0608	Nam	Kinh	12/02/1998		Chuyên viên			Hà Nội	68.5		68.5	
81	Lê Nhật	Minh	QLTT0636	Nam	Kinh	15/01/1992		KSVTT			Hà Nội	69		69	
82	Lê Thị Phương	Nga	QLTT0659	Nữ	Kinh	13/12/1997		Chuyên viên			Hà Nội	48		48	
83	Nguyễn Việt	Thế	QLTT0897	Nam	Kinh	28/07/1984		KSVTT			Hà Nội	59		59	
84	Nguyễn Thị Anh	Thư	QLTT0929	Nữ	Kinh	27/01/1995		KSVTT			Hà Nội	41.5		41.5	
85	Nguyễn Đức	Trung	QLTT1048	Nam	Kinh	11/08/1992		KSVTT			Hà Nội	58.5		58.5	
86	Lê Thị Cẩm	Tú	QLTT1061	Nữ	Kinh	02/02/1994		KSVTT			Hà Nội	47		47	
87	Nguyễn Ngọc	Tú	QLTT1062	Nam	Kinh	10/08/1982		KSVTT			Hà Nội	57		57	
88	Lưu Văn	Tuấn	QLTT1077	Nam	Kinh	04/09/1977		KSVTT			Hà Nội	56.5		56.5	
89	Thái Quang	Duẫn	QLTT0154	Nam	Kinh	12/03/1997		KSVTT			Hà Tĩnh	63		63	
90	Nguyễn Thị Thùy	Dung	QLTT0174	Nữ	Kinh	07/02/1995		KSVTT			Hà Tĩnh	58		58	
91	Phạm Văn	Hùng	QLTT0414	Nam	Kinh	08/02/1987		KSVTT			Hà Tĩnh	50		50	
92	Phạm Thị Diệu	Linh	QLTT0570	Nữ	Kinh	09/11/1998		KSVTT			Hà Tĩnh	57		57	
93	Trương Tuấn	Linh	QLTT0572	Nam	Kinh	10/11/1995		KSVTT			Hà Tĩnh	62		62	
94	Nguyễn Thị Khánh	Linh	QLTT0573	Nữ	Kinh	23/07/1999		KSVTT			Hà Tĩnh	40.5		40.5	
95	Phạm	Lợi	QLTT0596	Nam	Kinh	03/09/1997		KSVTT			Hà Tĩnh	65		65	
96	Đường Hải	Thiện	QLTT0903	Nam	Kinh	01/09/1996		KSVTT			Hà Tĩnh	59		59	
97	Trần Hữu	Tuấn	QLTT1079	Nam	Kinh	14/03/1992		KSVTT			Hà Tĩnh	61		61	
98	Nguyễn Xuân	Tuyên	QLTT1102	Nam	Kinh	19/02/1985	Con TB	KSVTT			Hà Tĩnh	58.5	5	63.5	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm Kiểm tra, sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học					
99	Phạm Tuấn	Hùng	QLTT0415	Nam	Kinh	08/10/1996		KSVTT			Hải Dương	56.5		56.5	
100	Trần Tùng	Lâm	QLTT0517	Nam	Kinh	16/08/1998		KSVTT			Hải Dương	56.5		56.5	
101	Võ Mạnh	Hiển	QLTT0322	Nam	Kinh	18/11/1993		KSVTT			Hậu Giang	61.5		61.5	
102	Hà Thanh	Liêm	QLTT0532	Nam	Kinh	01/01/1990		KSVTT	x		Hậu Giang	56		56	
103	Lê Thi Anh	Thư	QLTT0931	Nữ	Kinh	09/10/1999		KSVTT			Hậu Giang	62		62	
104	Mai Văn	Tuấn	QLTT1083	Nam	Kinh	29/12/1990		KSVTT			Hậu Giang	63		63	
105	Nguyễn Hải	Xuân	QLTT1143	Nam	Kinh	28/08/1991		KSVTT			Hậu Giang	70		70	
106	Nguyễn Thị Vân	Anh	QLTT0036	Nữ	Kinh	14/05/1978		Chuyên viên			Hòa Bình	64.5		64.5	
107	Phùng Trang	Nhung	QLTT0721	Nữ	Kinh	05/07/1991		KSVTT			Hòa Bình	53		53	
108	Hoàng Văn	Giang	QLTT0225	Nam	Kinh	16/03/1977	HTNVQS	KSVTT			Hưng Yên	51	2.5	53.5	
109	Lương Đức	Hùng	QLTT0416	Nam	Kinh	15/03/1989		KSVTT			Hưng Yên	50		50	
110	Hoàng Quốc	Thiết	QLTT0906	Nam	Kinh	02/10/1990		KSVTT			Hưng Yên	51		51	
111	Lê Mạnh	Tùng	QLTT1094	Nam	Kinh	15/11/1987	Con người nhiễm CĐHH	KSVTT		x	Hưng Yên	51.5	5	56.5	
112	Lê Ngọc	Cảnh	QLTT0075	Nam	Kinh	01/6/1990		KSVTT			Khánh Hòa	55		55	
113	Vũ Văn	Huyên	QLTT0458	Nam	Kinh	24/02/1987		KSVTT			Khánh Hòa	50		50	
114	Đào Trung	Kiên	QLTT0506	Nam	Kinh	20/01/1999		KSVTT			Khánh Hòa	51		51	
115	Bùi Tuấn	Linh	QLTT0581	Nam	Kinh	16/09/1992		KSVTT			Khánh Hòa	46		46	
116	Nguyễn Văn	Tùng	QLTT1095	Nam	Kinh	02/02/1998		KSVTT			Khánh Hòa	50		50	
117	Lê Kiên	Cường	QLTT0109	Nam	Kinh	28/06/1984		KSVTT			Kiên Giang	62		62	
118	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	QLTT0058	Nữ	Kinh	23/11/1994		KSVTT			Lai Châu	54.5		54.5	
119	Nguyễn Duy	Cường	QLTT0110	Nam	Kinh	21/10/1993		KSVTT			Lai Châu	50		50	
120	Phạm Mạnh	Linh	QLTT0576	Nam	Kinh	16/06/1990		KSVTT			Lai Châu	52		52	
121	Hoàng Thị Như	Quỳnh	QLTT0814	Nữ	Kinh	10/07/1995		KSVTT			Lai Châu	28		28	
122	Đặng Thành	Công	QLTT0100	Nam	Tày	25/10/1979	Người DT	Chuyên viên			Lạng Sơn	68.5	5	73.5	
123	Trần Thu	Hà	QLTT0256	Nữ	Kinh	19/10/1984		Chuyên viên		x	Lạng Sơn	60		60	
124	Hoàng	Hưng	QLTT0430	Nam	Tày	26/04/1992	Người DT	KSVTT			Lạng Sơn	55.5	5	60.5	
125	Nguyễn Huỳnh Quốc	Khánh	QLTT0488	Nam	Kinh	10/09/1998		KSVTT			Long An	76.5		76.5	
126	Lê Lan	Anh	QLTT0038	Nữ	Kinh	17/11/1985		Chuyên viên			Nam Định	55.5		55.5	
127	Phạm Ngọc	Duy	QLTT0210	Nam	Kinh	17/04/1991		KSVTT			Nam Định	38.5		38.5	
128	Vũ Trọng	Nghĩa	QLTT0675	Nam	Kinh	06/10/1993		KSVTT			Nam Định	51		51	
129	Nguyễn Phương	Thảo	QLTT0889	Nữ	Kinh	20/10/1993		KSVTT			Nam Định	57.5		57.5	
130	Nguyễn Xuân	Thu	QLTT0921	Nữ	Kinh	15/01/1999		KSVTT			Nam Định	51		51	
131	Nguyễn Thành	Trung	QLTT1049	Nam	Thái	08/05/1996	Người DT	KSVTT			Nam Định	62	5	67	
132	Nguyễn Văn	Lợi	QLTT0597	Nam	Kinh	11/10/1998		Chuyên viên			Ninh Bình	50		50	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm Kiểm tra, sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học					
133	Phạm Thị Kiều	Nga	QLTT0660	Nữ	Kinh	05/10/1989	Con BB	Chuyên viên			Ninh Bình	52.5	5	57.5	
134	Kiều Bảo	Ngọc	QLTT0690	Nữ	Kinh	20/11/1997		Chuyên viên			Ninh Bình	47		47	
135	Nguyễn Thị Tú	Uyên	QLTT1114	Nữ	Kinh	21/01/1997		KSVTT			Ninh Bình	53.5		53.5	
136	Đoàn Minh	Phương	QLTT0776	Nam	Kinh	16/10/1986	Quân nhân xuất ngũ	Chuyên viên			Ninh Thuận	63.5	2.5	66	
137	Phạm Minh	Hải	QLTT0272	Nam	Kinh	02/06/1997		KSVTT	x		Phú Thọ	64		64	
138	Vũ Huyền	Mai	QLTT0632	Nữ	Kinh	19/05/1998		KSVTT			Phú Thọ	57.5		57.5	
139	Nguyễn Thị Phương	Thúy	QLTT0960	Nữ	Kinh	20/02/1986		Chuyên viên			Phú Thọ	55.5		55.5	
140	Nguyễn Thành	Giang	QLTT0227	Nam	Kinh	06/07/1993		KSVTT			Phú Yên	62.5		62.5	
141	Nguyễn Thị Bích	Hiền	QLTT0323	Nữ	Kinh	25/05/1994		KSVTT			Phú Yên	54		54	
142	Võ Duy	Hùng	QLTT0421	Nam	Kinh	15/09/1985		KSVTT			Phú Yên	64.5		64.5	
143	Đinh Ngọc Quốc	Hùng	QLTT0422	Nam	Kinh	15/08/1988		KSVTT	x	x	Phú Yên	62		62	
144	Đặng Diệu Mỹ	Linh	QLTT0579	Nữ	Kinh	22/01/1997		KSVTT			Phú Yên	0		0	Không dự thi
145	Huỳnh Long	Phi	QLTT0739	Nam	Kinh	16/04/1990		KSVTT			Phú Yên	63.5		63.5	
146	Trần Đức	Thuận	QLTT0942	Nam	Kinh	01/04/1983	Con TB	KSVTT			Phú Yên	61.5	5	66.5	
147	Lê Võ Anh	Tuấn	QLTT1086	Nam	Kinh	02/02/1998		KSVTT			Phú Yên	59.5		59.5	
148	Võ Thị Thanh	Bình	QLTT0070	Nữ	Kinh	12/09/1994		KSVTT			Quảng Bình	51.5		51.5	
149	Nguyễn Hoàng	Đan	QLTT0119	Nam	Kinh	28/04/1998		KSVTT			Quảng Bình	64		64	
150	Nguyễn Diệu	Linh	QLTT0580	Nữ	Kinh	10/07/1999		Chuyên viên			Quảng Bình	0		0	Không dự thi
151	Trần Thảo	Nguyên	QLTT0698	Nữ	Kinh	20/08/1998		KSVTT			Quảng Bình	65.5		65.5	
152	Hoàng Mộng	Quỳnh	QLTT0815	Nữ	Kinh	14/09/1991		Chuyên viên			Quảng Bình	71.5		71.5	
153	Nguyễn Thị Diệu	Thư	QLTT0933	Nữ	Kinh	31/07/1997		KSVTT			Quảng Bình	74		74	
154	Hà Lê Phương	Anh	QLTT0044	Nữ	Kinh	17/11/1996		KSVTT			Quảng Nam	64.5		64.5	
155	Nguyễn Thái Hiếu	Kiên	QLTT0508	Nữ	Kinh	21/12/1998		KSVTT			Quảng Nam	63		63	
156	Huỳnh Thị	Lệ	QLTT0530	Nữ	Kinh	25/01/1994		KSVTT			Quảng Nam	71		71	
157	Trần Anh	Tú	QLTT1064	Nam	Kinh	20/11/1995		KSVTT			Quảng Nam	62.5		62.5	
158	Bùi Võ Tá	Hùng	QLTT0423	Nam	Kinh	19/04/1992	Con TB	KSVTT			Quảng Ngãi	59	5	64	
159	Lê Viết	Thời	QLTT0917	Nam	Kinh	31/05/1991		KSVTT			Quảng Ngãi	55.5		55.5	
160	Cam Trung	Dũng	QLTT0189	Nam	Nùng	07/04/1991	Người DT	Chuyên viên			Quảng Ninh	53.5	5	58.5	
161	Nguyễn Thị Thu	Giang	QLTT0232	Nữ	Kinh	13/12/1997		KSVTT			Quảng Ninh	61		61	
162	Nguyễn Thị	Hương	QLTT0444	Nữ	Kinh	07/11/1992		KSVTT			Quảng Ninh	53.5		53.5	
163	Trần Minh	Thư	QLTT0935	Nữ	Kinh	18/06/1998		KSVTT			Quảng Ninh	58		58	
164	Nguyễn Hoàng	Phương	QLTT0781	Nữ	Kinh	03/09/1997		Chuyên viên			Quảng Trị	50		50	
165	Đỗ Thành	Công	QLTT0101	Nam	Kinh	11/09/1977		KSVTT	x	x	Thái Bình	44		44	
166	Nguyễn Minh	Đức	QLTT0164	Nam	Kinh	21/06/1999		KSVTT			Thái Bình	63		63	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm Kiểm tra, sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học					
167	Phạm Thế	Trường	QLTT1056	Nam	Kinh	28/09/1989		KSVTT			Thái Bình	59.5		59.5	
168	Trịnh Xuân	Hiển	QLTT0327	Nam	Kinh	26/08/1989		KSVTT			Thái Nguyên	58.5		58.5	
169	Vũ Thị Thanh	Thúy	QLTT0961	Nữ	Kinh	08/08/1983		Chuyên viên			Thái Nguyên	55.5		55.5	
170	Nguyễn Thùy	Anh	QLTT0045	Nữ	Kinh	12/08/1999		KSVTT			Thanh Hóa	68.5		68.5	
171	Phan Lê Phương	Anh	QLTT0047	Nữ	Kinh	06/04/1999		KSVTT			Thanh Hóa	51.5		51.5	
172	Lê Trọng	Đức	QLTT0165	Nam	Kinh	01/09/1993		KSVTT			Thanh Hóa	63.5		63.5	
173	Trương Anh	Dũng	QLTT0190	Nam	Kinh	12/02/1997		KSVTT	x		Thanh Hóa	67		67	
174	Nguyễn Trung	Hiếu	QLTT0340	Nam	Kinh	13/02/1998	Con TB	KSVTT			Thanh Hóa	54	5	59	
175	Nguyễn Khánh	Linh	QLTT0587	Nữ	Kinh	26/01/1999		KSVTT			Thanh Hóa	62.5		62.5	
176	Vũ Quốc	Long	QLTT0613	Nam	Kinh	20/03/1996		KSVTT			Thanh Hóa	61.5		61.5	
177	Lưu Diệp	Thanh	QLTT0867	Nữ	Kinh	24/09/1990		KSVTT			Thanh Hóa	62.5		62.5	
178	Lê Mai	Thu	QLTT0924	Nữ	Kinh	14/04/1999		KSVTT			Thanh Hóa	61.5		61.5	
179	Lê Trọng	Nghĩa	QLTT0676	Nam	Kinh	24/08/1997		Chuyên viên			Thừa Thiên Huế	58		58	
180	Lê Chí	Quân	QLTT0792	Nam	Kinh	28/11/1997		Chuyên viên			Thừa Thiên Huế	56.5		56.5	
181	Ngô Bảo	An	QLTT0003	Nữ	Kinh	22/12/1994		Chuyên viên			TP HCM	59.5		59.5	
182	Nguyễn Hoàng	Anh	QLTT0048	Nữ	Kinh	12/12/1994		KSVTT	x		TP HCM	68.5		68.5	
183	Lê Huy	Hoàng	QLTT0381	Nam	Kinh	16/10/1992		KSVTT	x		TP HCM	63.5		63.5	
184	Bùi Thành	Lê	QLTT0529	Nam	Kinh	05/10/1980	Sĩ quan QĐ	KSVTT			TP HCM	59	5	64	
185	Ngô Đức	Long	QLTT0614	Nam	Kinh	05/01/1992		KSVTT			TP HCM	62.5		62.5	
186	Trương Thị Thùy	Trâm	QLTT0993	Nữ	Kinh	18/12/1992		Chuyên viên			TP HCM	62.5		62.5	
187	Lê Nguyễn Việt	Tuấn	QLTT1087	Nam	Kinh	01/03/1997		Chuyên viên			TP HCM	52.5		52.5	
188	Nguyễn Minh	Tùng	QLTT1098	Nam	Kinh	03/11/1983		Chuyên viên	x		TP HCM	58.5		58.5	
189	Nguyễn Văn	Huề	QLTT0397	Nam	Kinh	17/12/1974		KSVTT			Trà Vinh	58		58	
190	Lê Đình	Anh	QLTT0053	Nam	Kinh	24/05/1985		KSVTT			Vĩnh Phúc	50		50	
191	Nguyễn Đức	Hiếu	QLTT0342	Nam	Kinh	09/02/1993		KSVTT			Vĩnh Phúc	54.5		54.5	
192	Đỗ Thị	Hoa	QLTT0350	Nữ	Kinh	27/05/1998		KSVTT			Vĩnh Phúc	51		51	
193	Nguyễn Thị	Hòa	QLTT0360	Nữ	Kinh	12/01/1991		KSVTT	x		Vĩnh Phúc	50		50	
194	Nguyễn Thu	Hương	QLTT0445	Nữ	Kinh	28/08/1981		KSVTT			Vĩnh Phúc	51.5		51.5	
195	Nguyễn Khánh	Huyền	QLTT0479	Nữ	Kinh	18/12/1993		Chuyên viên			Vĩnh Phúc	61		61	
196	Nguyễn Thị	Lợi	QLTT0599	Nữ	Kinh	10/10/1987		KSVTT			Vĩnh Phúc	54		54	
197	Nguyễn Văn	Thăng	QLTT0856	Nam	Kinh	20/11/1982		KSVTT			Vĩnh Phúc	52.5		52.5	
198	Nguyễn Văn	Thành	QLTT0876	Nam	Kinh	10/08/1981		KSVTT		x	Vĩnh Phúc	52		52	
199	Vũ Thị Bích	Thảo	QLTT0896	Nữ	Kinh	05/01/1992		KSVTT			Vĩnh Phúc	56		56	
200	Nguyễn Tùng	Linh	QLTT0588	Nam	Kinh	30/08/1996		Chuyên viên			Yên Bái	51		51	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Môn thi được miễn		Đơn vị đăng ký dự tuyển	Điểm Kiểm tra, sát hạch	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
									Tiếng Anh	Tin học					
201	Nguyễn Bá	Phong	QLTT0748	Nam	Kinh	18/02/1983		KSVTT		x	Yên Bái	56		56	
202	Hoàng Thị Thanh	Xuân	QLTT1147	Nữ	Tày	19/11/1997	Người DT	KSVTT			Yên Bái	56	5	61	

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông báo số 28/TB-HĐTD ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục QLTT)

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
1	Lê Thị Thu	Hà	QLTT0239	Nữ	Kinh	16/07/1980		KSVTT	Bà Rịa -Vũng Tàu	
2	Nguyễn Thiện	Phương	QLTT0759	Nam	Kinh	28/10/1990		KSVTT	Bà Rịa -Vũng Tàu	
3	Tạ Văn	Điều	QLTT0136	Nam	Kinh	29/10/1998		KSVTT	Bắc Giang	
4	Phạm Thế	Dự	QLTT0152	Nam	Kinh	14/08/1991		KSVTT	Bắc Giang	
5	Nguyễn Trường	Giang	QLTT0217	Nam	Kinh	30/06/1987		KSVTT	Bắc Giang	
6	Nguyễn Thị Diễm	Linh	QLTT0543	Nữ	Kinh	28/06/1993		KSVTT	Bắc Giang	
7	Nguyễn Thị	Phương	QLTT0760	Nữ	Kinh	02/8/1979		KSVTT	Bắc Giang	
8	Phạm Ngọc	Sơn	QLTT0826	Nam	Kinh	09/11/1991		KSVTT	Bắc Giang	
9	Đào Nguyên	Tấn	QLTT0854	Nam	Kinh	10/01/1996		KSVTT	Bắc Giang	
10	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	QLTT0009	Nữ	Tày	10/09/1996	Người DT	KSVTT	Bắc Kạn	
11	Hoàng Thu	Hiền	QLTT0313	Nữ	Nùng	26/08/1999	Người DT	KSVTT	Bắc Kạn	
12	Trần Tuấn	Hưng	QLTT0428	Nam	Kinh	27/02/1980	Con TB	KSVTT	Bắc Kạn	
13	Ma Đức	Lượng	QLTT0617	Nam	Tày	04/12/1996	Người DT	KSVTT	Bắc Kạn	
14	Đinh Hải	Vân	QLTT1115	Nữ	Kinh	01/06/1991		KSVTT	Bắc Kạn	
15	Phan Văn	Bình	QLTT0067	Nam	Kinh	15/08/1987		KSVTT	Bạc Liêu	
16	Mai Hùng	Cường	QLTT0106	Nam	Kinh	30/12/1990		KSVTT	Bạc Liêu	
17	Phan	Nhân	QLTT0703	Nam	Kinh	26/10/1992		KSVTT	Bạc Liêu	
18	Chu Thị Tú	Anh	QLTT0012	Nữ	Kinh	15/02/1994		KSVTT	Bắc Ninh	
19	Hà Thị Thanh	Diễm	QLTT0130	Nữ	Kinh	01/04/1992		KSVTT	Bình Định	
20	Lê Minh	Phúc	QLTT0752	Nam	Kinh	07/10/1978		KSVTT	Bình Định	
21	Nguyễn Quốc	Dũng	QLTT0180	Nam	Kinh	21/07/1978		KSVTT	Bình Dương	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
22	Thân Đức	Hải	QLTT0266	Nam	Kinh	13/10/2000		Chuyên viên	Bình Dương	
23	Trần Văn	Hồng	QLTT0387	Nam	Kinh	26/09/1999		KSVTT	Bình Dương	
24	Võ Thanh	Phong	QLTT0741	Nam	Kinh	14/09/1987		KSVTT	Bình Dương	
25	Nguyễn Bảo	Trọng	QLTT1039	Nam	Kinh	27/02/1985		Chuyên viên	Bình Dương	
26	Ngô Hoàng	Việt	QLTT1124	Nam	Kinh	25/10/1992		KSVTT	Bình Dương	
27	Hồ Ngọc Tuấn	Anh	QLTT0013	Nam	Kinh	02/11/1989		Chuyên viên	Bình Phước	
28	Trần Công	Đồng	QLTT0150	Nam	Kinh	28/10/1974		Chuyên viên	Bình Phước	
29	Đỗ Danh	Dương	QLTT0192	Nam	Kinh	05/07/1976		Chuyên viên	Bình Phước	
30	Nguyễn Văn	Hà	QLTT0243	Nam	Kinh	18/06/1991	Quân nhân xuất ngũ	Chuyên viên	Bình Phước	
31	Phạm Quốc	Kỳ	QLTT0509	Nam	Kinh	06/02/1982	Sĩ quan dự bị	Chuyên viên	Bình Phước	
32	Vũ Minh	Phương	QLTT0762	Nữ	Kinh	30/07/1998		Chuyên viên	Bình Phước	
33	Trần Việt	Hùng	QLTT0404	Nam	Kinh	08/02/1986		KSVTT	Cần Thơ	
34	Nguyễn Hữu	Kha	QLTT0483	Nam	Kinh	28/08/1998		KSVTT	Cần Thơ	
35	Bùi Tuấn	Anh	QLTT0014	Nam	Tày	20/06/1991	Người DT	KSVTT	Cao Bằng	
36	Lương Đình	Hùng	QLTT0406	Nam	Tày	23/11/1997	Người DT	KSVTT	Cao Bằng	
37	Trương Thị Bích	Lợi	QLTT0594	Nữ	Kinh	01/09/1987		KSVTT	Đà Nẵng	
38	Võ Công	Thành	QLTT0871	Nam	Kinh	31/12/1993		KSVTT	Đà Nẵng	
39	Huỳnh Ngọc	Tú	QLTT1059	Nam	Kinh	16/03/1991		KSVTT	Đà Nẵng	
40	Lê Anh	Tú	QLTT1060	Nam	Kinh	27/02/1997		Chuyên viên	Đà Nẵng	
41	Mai Đức	Anh	QLTT0019	Nam	Kinh	07/09/1994		KSVTT	Đắk Lắk	
42	Nguyễn Hữu	Cường	QLTT0107	Nam	Kinh	02/10/1988		KSVTT	Đắk Lắk	
43	Nguyễn Thị Phương	Nhi	QLTT0709	Nữ	Kinh	06/06/1998		KSVTT	Đắk Lắk	
44	Nguyễn Trung	Tuấn	QLTT1072	Nam	Kinh	19/11/1989		Chuyên viên	Đắk Lắk	
45	Quách Nhất	Sinh	QLTT0824	Nam	Kinh	02/12/1990		KSVTT	Đắk Nông	
46	Như Ngọc Phương	Thảo	QLTT0881	Nữ	Kinh	14/12/1997		KSVTT	Điện Biên	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
47	Trần Thị Thái	Hòa	QLTT0356	Nữ	Kinh	08/03/1994		KSVTT	Đồng Nai	
48	Nguyễn Xuân	Bách	QLTT0063	Nam	Kinh	16/05/1997		KSVTT	Gia Lai	
49	Nguyễn Thị Việt	Hà	QLTT0247	Nữ	Kinh	02/12/1999		KSVTT	Gia Lai	
50	Tô Thanh	Liêm	QLTT0531	Nam	Kinh	30/11/1989		KSVTT	Gia Lai	
51	Nguyễn Hữu	Nghị	QLTT0672	Nam	Kinh	11/09/1979		KSVTT	Gia Lai	
52	Võ Ngọc	Tình	QLTT0980	Nam	Kinh	05/05/1985		KSVTT	Gia Lai	
53	Nguyễn Thanh	Thuận	QLTT0941	Nam	Giáy	16/10/1996	Người DT	KSVTT	Hà Giang	
54	Đinh Mạnh	Hải	QLTT0268	Nam	Kinh	19/04/1997		KSVTT	Hà Nam	
55	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	QLTT0699	Nữ	Kinh	07/04/1998		KSVTT	Hà Nam	
56	Hồ Phi	An	QLTT0001	Nam	Kinh	19/01/1998		KSVTT	Hà Nội	
57	Dương Thị Vân	Anh	QLTT0023	Nữ	Kinh	09/05/1989		KSVTT	Hà Nội	
58	Bùi Phương	Anh	QLTT0024	Nữ	Kinh	16/09/1996		Chuyên viên	Hà Nội	
59	Nguyễn Vũ Hà	Anh	QLTT0027	Nữ	Kinh	15/09/1995		KSVTT	Hà Nội	
60	Nguyễn Thị Hải	Anh	QLTT0030	Nữ	Kinh	18/12/1996		KSVTT	Hà Nội	
61	Nguyễn Thành	Doanh	QLTT0143	Nam	Kinh	18/09/1994		KSVTT	Hà Nội	
62	Hoàng Nguyệt	Hà	QLTT0248	Nữ	Kinh	04/03/1996		KSVTT	Hà Nội	
63	Nguyễn Hồng	Hải	QLTT0269	Nữ	Mường	15/09/1997	Người DT	KSVTT	Hà Nội	
64	Nguyễn Đình	Hải	QLTT0270	Nam	Tày	01/12/1995	Người DT	KSVTT	Hà Nội	
65	Nguyễn Thị	Hiền	QLTT0315	Nữ	Kinh	08/10/1993		KSVTT	Hà Nội	
66	Nguyễn Công	Hiếu	QLTT0335	Nam	Kinh	23/08/1992		KSVTT	Hà Nội	
67	Nguyễn Hoàng	Hồng	QLTT0391	Nam	Kinh	17/12/1996		KSVTT	Hà Nội	
68	Nguyễn Thị Thanh	Hương	QLTT0438	Nữ	Kinh	11/12/1996		KSVTT	Hà Nội	
69	Nguyễn Thị Hà	Hường	QLTT0448	Nữ	Kinh	25/12/1985		Chuyên viên	Hà Nội	
70	Nguyễn Diệu	Linh	QLTT0552	Nữ	Kinh	17/08/1996		KSVTT	Hà Nội	
71	Nguyễn Xuân	Lợi	QLTT0595	Nam	Kinh	24/05/1996		KSVTT	Hà Nội	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
72	Đinh Mã Thiên	Long	QLTT0607	Nam	Kinh	15/06/1990		KSVTT	Hà Nội	
73	Hoàng Đức	Long	QLTT0608	Nam	Kinh	12/02/1998		Chuyên viên	Hà Nội	
74	Lê Nhật	Minh	QLTT0636	Nam	Kinh	15/01/1992		KSVTT	Hà Nội	
75	Nguyễn Việt	Thế	QLTT0897	Nam	Kinh	28/07/1984		KSVTT	Hà Nội	
76	Nguyễn Đức	Trung	QLTT1048	Nam	Kinh	11/08/1992		KSVTT	Hà Nội	
77	Nguyễn Ngọc	Tú	QLTT1062	Nam	Kinh	10/08/1982		KSVTT	Hà Nội	
78	Lưu Văn	Tuấn	QLTT1077	Nam	Kinh	04/09/1977		KSVTT	Hà Nội	
79	Thái Quang	Duẫn	QLTT0154	Nam	Kinh	12/03/1997		KSVTT	Hà Tĩnh	
80	Nguyễn Thị Thùy	Dung	QLTT0174	Nữ	Kinh	07/02/1995		KSVTT	Hà Tĩnh	
81	Phạm Thị Diệu	Linh	QLTT0570	Nữ	Kinh	09/11/1998		KSVTT	Hà Tĩnh	
82	Trương Tuấn	Linh	QLTT0572	Nam	Kinh	10/11/1995		KSVTT	Hà Tĩnh	
83	Phạm	Lợi	QLTT0596	Nam	Kinh	03/09/1997		KSVTT	Hà Tĩnh	
84	Đường Hải	Thiện	QLTT0903	Nam	Kinh	01/09/1996		KSVTT	Hà Tĩnh	
85	Trần Hữu	Tuấn	QLTT1079	Nam	Kinh	14/03/1992		KSVTT	Hà Tĩnh	
86	Nguyễn Xuân	Tuyên	QLTT1102	Nam	Kinh	19/02/1985	Con TB	KSVTT	Hà Tĩnh	
87	Phạm Tuấn	Hùng	QLTT0415	Nam	Kinh	08/10/1996		KSVTT	Hải Dương	
88	Trần Tùng	Lâm	QLTT0517	Nam	Kinh	16/08/1998		KSVTT	Hải Dương	
89	Võ Mạnh	Hiền	QLTT0322	Nam	Kinh	18/11/1993		KSVTT	Hậu Giang	
90	Lê Thi Anh	Thư	QLTT0931	Nữ	Kinh	09/10/1999		KSVTT	Hậu Giang	
91	Mai Văn	Tuấn	QLTT1083	Nam	Kinh	29/12/1990		KSVTT	Hậu Giang	
92	Nguyễn Hãi	Xuân	QLTT1143	Nam	Kinh	28/08/1991		KSVTT	Hậu Giang	
93	Nguyễn Thị Vân	Anh	QLTT0036	Nữ	Kinh	14/05/1978		Chuyên viên	Hòa Bình	
94	Phùng Trang	Nhung	QLTT0721	Nữ	Kinh	05/07/1991		KSVTT	Hòa Bình	
95	Hoàng Văn	Giang	QLTT0225	Nam	Kinh	16/03/1977	HTNVQS	KSVTT	Hưng Yên	
96	Lương Đức	Hùng	QLTT0416	Nam	Kinh	15/03/1989		KSVTT	Hưng Yên	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
97	Hoàng Quốc	Thiết	QLTT0906	Nam	Kinh	02/10/1990		KSVTT	Hưng Yên	
98	Lê Mạnh	Tùng	QLTT1094	Nam	Kinh	15/11/1987	Con người nhiễm CĐHH	KSVTT	Hưng Yên	
99	Lê Ngọc	Cảnh	QLTT0075	Nam	Kinh	01/6/1990		KSVTT	Khánh Hòa	
100	Vũ Văn	Huyên	QLTT0458	Nam	Kinh	24/02/1987		KSVTT	Khánh Hòa	
101	Đào Trung	Kiên	QLTT0506	Nam	Kinh	20/01/1999		KSVTT	Khánh Hòa	
102	Nguyễn Văn	Tùng	QLTT1095	Nam	Kinh	02/02/1998		KSVTT	Khánh Hòa	
103	Lê Kiên	Cường	QLTT0109	Nam	Kinh	28/06/1984		KSVTT	Kiên Giang	
104	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	QLTT0058	Nữ	Kinh	23/11/1994		KSVTT	Lai Châu	
105	Nguyễn Duy	Cường	QLTT0110	Nam	Kinh	21/10/1993		KSVTT	Lai Châu	
106	Phạm Mạnh	Linh	QLTT0576	Nam	Kinh	16/06/1990		KSVTT	Lai Châu	
107	Đặng Thành	Công	QLTT0100	Nam	Tày	25/10/1979	Người DT	Chuyên viên	Lạng Sơn	
108	Trần Thu	Hà	QLTT0256	Nữ	Kinh	19/10/1984		Chuyên viên	Lạng Sơn	
109	Hoàng	Hưng	QLTT0430	Nam	Tày	26/04/1992	Người DT	KSVTT	Lạng Sơn	
110	Nguyễn Huỳnh Quốc	Khánh	QLTT0488	Nam	Kinh	10/09/1998		KSVTT	Long An	
111	Lê Lan	Anh	QLTT0038	Nữ	Kinh	17/11/1985		Chuyên viên	Nam Định	
112	Vũ Trọng	Nghĩa	QLTT0675	Nam	Kinh	06/10/1993		KSVTT	Nam Định	
113	Nguyễn Phương	Thảo	QLTT0889	Nữ	Kinh	20/10/1993		KSVTT	Nam Định	
114	Nguyễn Xuân	Thu	QLTT0921	Nữ	Kinh	15/01/1999		KSVTT	Nam Định	
115	Nguyễn Thành	Trung	QLTT1049	Nam	Thái	08/05/1996	Người DT	KSVTT	Nam Định	
116	Nguyễn Văn	Lợi	QLTT0597	Nam	Kinh	11/10/1998		Chuyên viên	Ninh Bình	
117	Phạm Thị Kiều	Nga	QLTT0660	Nữ	Kinh	05/10/1989	Con BB	Chuyên viên	Ninh Bình	
118	Nguyễn Thị Tú	Uyên	QLTT1114	Nữ	Kinh	21/01/1997		KSVTT	Ninh Bình	
119	Đoàn Minh	Phương	QLTT0776	Nam	Kinh	16/10/1986	Quân nhân xuất ngũ	Chuyên viên	Ninh Thuận	
120	Phạm Minh	Hải	QLTT0272	Nam	Kinh	02/06/1997		KSVTT	Phú Thọ	
121	Vũ Huyền	Mai	QLTT0632	Nữ	Kinh	19/05/1998		KSVTT	Phú Thọ	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
122	Nguyễn Thị Phương	Thúy	QLTT0960	Nữ	Kinh	20/02/1986		Chuyên viên	Phú Thọ	
123	Nguyễn Thành	Giang	QLTT0227	Nam	Kinh	06/07/1993		KSVTT	Phú Yên	
124	Võ Duy	Hùng	QLTT0421	Nam	Kinh	15/09/1985		KSVTT	Phú Yên	
125	Đinh Ngọc Quốc	Hùng	QLTT0422	Nam	Kinh	15/08/1988		KSVTT	Phú Yên	
126	Huỳnh Long	Phi	QLTT0739	Nam	Kinh	16/04/1990		KSVTT	Phú Yên	
127	Trần Đức	Thuận	QLTT0942	Nam	Kinh	01/04/1983	Con TB	KSVTT	Phú Yên	
128	Lê Võ Anh	Tuấn	QLTT1086	Nam	Kinh	02/02/1998		KSVTT	Phú Yên	
129	Nguyễn Hoàng	Đan	QLTT0119	Nam	Kinh	28/04/1998		KSVTT	Quảng Bình	
130	Trần Thảo	Nguyên	QLTT0698	Nữ	Kinh	20/08/1998		KSVTT	Quảng Bình	
131	Hoàng Mộng	Quỳnh	QLTT0815	Nữ	Kinh	14/09/1991		Chuyên viên	Quảng Bình	
132	Nguyễn Thị Diệu	Thư	QLTT0933	Nữ	Kinh	31/07/1997		KSVTT	Quảng Bình	
133	Hà Lê Phương	Anh	QLTT0044	Nữ	Kinh	17/11/1996		KSVTT	Quảng Nam	
134	Nguyễn Thái Hiếu	Kiên	QLTT0508	Nữ	Kinh	21/12/1998		KSVTT	Quảng Nam	
135	Huỳnh Thị	Lệ	QLTT0530	Nữ	Kinh	25/01/1994		KSVTT	Quảng Nam	
136	Trần Anh	Tú	QLTT1064	Nam	Kinh	20/11/1995		KSVTT	Quảng Nam	
137	Bùi Võ Tá	Hùng	QLTT0423	Nam	Kinh	19/04/1992	Con TB	KSVTT	Quảng Ngãi	
138	Lê Viết	Thời	QLTT0917	Nam	Kinh	31/05/1991		KSVTT	Quảng Ngãi	
139	Cam Trung	Dũng	QLTT0189	Nam	Nùng	07/04/1991	Người DT	Chuyên viên	Quảng Ninh	
140	Nguyễn Thị Thu	Giang	QLTT0232	Nữ	Kinh	13/12/1997		KSVTT	Quảng Ninh	
141	Nguyễn Thị	Hương	QLTT0444	Nữ	Kinh	07/11/1992		KSVTT	Quảng Ninh	
142	Trần Minh	Thư	QLTT0935	Nữ	Kinh	18/06/1998		KSVTT	Quảng Ninh	
143	Nguyễn Hoàng	Phương	QLTT0781	Nữ	Kinh	03/09/1997		Chuyên viên	Quảng Trị	
144	Nguyễn Minh	Đức	QLTT0164	Nam	Kinh	21/06/1999		KSVTT	Thái Bình	
145	Phạm Thế	Trường	QLTT1056	Nam	Kinh	28/09/1989		KSVTT	Thái Bình	
146	Trịnh Xuân	Hiển	QLTT0327	Nam	Kinh	26/08/1989		KSVTT	Thái Nguyên	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
147	Vũ Thị Thanh	Thúy	QLTT0961	Nữ	Kinh	08/08/1983		Chuyên viên	Thái Nguyên	
148	Nguyễn Thùy	Anh	QLTT0045	Nữ	Kinh	12/08/1999		KSVTT	Thanh Hóa	
149	Lê Trọng	Đức	QLTT0165	Nam	Kinh	01/09/1993		KSVTT	Thanh Hóa	
150	Trương Anh	Dũng	QLTT0190	Nam	Kinh	12/02/1997		KSVTT	Thanh Hóa	
151	Nguyễn Khánh	Linh	QLTT0587	Nữ	Kinh	26/01/1999		KSVTT	Thanh Hóa	
152	Vũ Quốc	Long	QLTT0613	Nam	Kinh	20/03/1996		KSVTT	Thanh Hóa	
153	Lưu Diệp	Thanh	QLTT0867	Nữ	Kinh	24/09/1990		KSVTT	Thanh Hóa	
154	Lê Mai	Thu	QLTT0924	Nữ	Kinh	14/04/1999		KSVTT	Thanh Hóa	
155	Lê Trọng	Nghĩa	QLTT0676	Nam	Kinh	24/08/1997		Chuyên viên	Thừa Thiên Huế	
156	Lê Chí	Quân	QLTT0792	Nam	Kinh	28/11/1997		Chuyên viên	Thừa Thiên Huế	
157	Ngô Bảo	An	QLTT0003	Nữ	Kinh	22/12/1994		Chuyên viên	TP HCM	
158	Nguyễn Hoàng	Anh	QLTT0048	Nữ	Kinh	12/12/1994		KSVTT	TP HCM	
159	Lê Huy	Hoàng	QLTT0381	Nam	Kinh	16/10/1992		KSVTT	TP HCM	
160	Bùi Thành	Lê	QLTT0529	Nam	Kinh	05/10/1980	Sĩ quan QĐ	KSVTT	TP HCM	
161	Ngô Đức	Long	QLTT0614	Nam	Kinh	05/01/1992		KSVTT	TP HCM	
162	Trương Thị Thùy	Trâm	QLTT0993	Nữ	Kinh	18/12/1992		Chuyên viên	TP HCM	
163	Nguyễn Minh	Tùng	QLTT1098	Nam	Kinh	03/11/1983		Chuyên viên	TP HCM	
164	Nguyễn Văn	Huề	QLTT0397	Nam	Kinh	17/12/1974		KSVTT	Trà Vinh	
165	Nguyễn Đức	Hiếu	QLTT0342	Nam	Kinh	09/02/1993		KSVTT	Vĩnh Phúc	
166	Nguyễn Thu	Hương	QLTT0445	Nữ	Kinh	28/08/1981		KSVTT	Vĩnh Phúc	
167	Nguyễn Khánh	Huyền	QLTT0479	Nữ	Kinh	18/12/1993		Chuyên viên	Vĩnh Phúc	
168	Nguyễn Thị	Lợi	QLTT0599	Nữ	Kinh	10/10/1987		KSVTT	Vĩnh Phúc	
169	Nguyễn Văn	Thăng	QLTT0856	Nam	Kinh	20/11/1982		KSVTT	Vĩnh Phúc	
170	Nguyễn Văn	Thành	QLTT0876	Nam	Kinh	10/08/1981		KSVTT	Vĩnh Phúc	
171	Vũ Thị Bích	Thảo	QLTT0896	Nữ	Kinh	05/01/1992		KSVTT	Vĩnh Phúc	

STT	Họ	Tên	SBD	Giới tính	Dân tộc	Ngày, tháng, năm sinh	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
172	Nguyễn Tùng	Linh	QLTT0588	Nam	Kinh	30/08/1996		Chuyên viên	Yên Bái	
173	Nguyễn Bá	Phong	QLTT0748	Nam	Kinh	18/02/1983		KSVTT	Yên Bái	
174	Hoàng Thị Thanh	Xuân	QLTT1147	Nữ	Tày	19/11/1997	Người DT	KSVTT	Yên Bái	